

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS - ST

Ngày: 30/8/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Triệu Quang Trân** và ông **Lý Văn Thuận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bảo Thanh Toàn** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST - HS, ngày 29 tháng 7 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST – HS, ngày 18 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo: **HÀ VĂN Đ**, sinh ngày: 09/11/1978 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn N và Con bà: Nguyễn Thị G; Có vợ là: Hà Thị L và có 02 (hai) con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Lý Văn T – sinh năm 1989; Trú tại: thôn L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do – có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Những người tham gia tố tụng khác:**

- **Những người làm chứng:**

1. Nguyễn Đình Q – sinh năm 1986; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

2. Hà Văn Đ1 – sinh năm 1987; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

3. Nguyễn Thị G – sinh năm 1951; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập).

4. Hà Văn N – sinh năm 1951; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập).

5. Nguyễn Văn L – sinh năm 1990; Trú tại: tổ 16, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập)

6. Nguyễn Văn D – sinh năm 1993; Trú tại: tổ G, phường H, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập)

7. Hoàng Văn H – sinh năm 1982; Trú tại: tổ N, phường H, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập).

8. Nguyễn Văn S – sinh năm 1987; Trú tại: tổ 11B, phường Đ, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập)

9. Hà Văn C – sinh năm 1986; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Toà không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 8 năm 2019, để phát triển kinh tế gia đình, Hà Văn Đ tiến hành xây dựng Lò đốt than tại vị trí trên đồi, phía sau nhà của mình thuộc thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, với mục đích thu mua gỗ nghiến về để đốt lấy than, bán kiếm lời. Trước đó ngày 25/02/2019, Đ thuê chiếc xe ô tô BKS 97C - 012.98 của anh Lý Văn T (SN 1989) trú tại xóm L, xã Y (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Bắc Kạn về với mục đích để kinh doanh. Từ ngày 20/8/2019, Đ một mình sử dụng xe ô tô BKS 97C - 012.98 đi đến khu vực xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên thu mua gỗ nghiến (dạng đầu mẫu, gốc rễ, bìa bắp) của người dân ở đó. Từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 8 năm 2019, Đ thu mua được số lượng là 04 chuyến xe ô tô gỗ nghiến, với giá 1000đ/1kg, tổng giá trị khoảng 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng). Sau khi thu mua được gốc, rễ, bắp bìa gỗ nghiến, Đ sử dụng xe ô tô BKS 97C - 012.98 vận chuyển về và tập kết tại khu vực gần nhà Đ, cụ thể: 02 xe gỗ đầu tiên, Đ đổ thành 02 đống tại khu vực gần Lò đốt than; 01 xe gỗ thứ ba, Đ đổ trong sân, phía đầu hồi nhà của Đ. Rạng sáng ngày 30/8/2019 Đ vận chuyển 01 chuyến cuối cùng về nhưng vẫn để trên xe đỗ ở đường, phía trước nhà Đ.

Đến 09 giờ 15 phút ngày 30/8/2019, Đội kiểm lâm cơ động và PCCC rừng số 1 thuộc Chi cục Kiểm lâm Bắc Kạn phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện C, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra số gỗ của Hà Văn Đ và xác định số gỗ nêu trên là gỗ nghiến, không có giấy tờ liên quan đến nguồn gốc, cấp phép khai thác và vận

chuyển. Cơ quan chức năng tiến hành thu giữ toàn bộ số gỗ trên và chiếc xe ô tô BKS 97C - 012.98. Cùng ngày, Cơ quan chức năng sử dụng 04 xe ô tô để vận chuyển số gỗ là 02 đồng thu giữ được tại gần Lò đốt và 01 đồng tại sân nhà Đ đến Công ty TNHH K có địa chỉ tại Lô B1, khu Công nghiệp T, xã TB (nay là xã TT), huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiến hành cân và xác định khối lượng, kết quả:

- Xe ô tô BKS 97C - 01858 có tổng trọng lượng là 10.040 kg; trọng lượng bì: 5.565 kg; trọng lượng hàng: 4.475 kg;

- Xe ô tô BKS 23C - 02014 có tổng trọng lượng là 11.560 kg; trọng lượng bì: 4.300 kg; trọng lượng hàng: 7.260 kg.

- Xe ô tô BKS 29C - 80510 có tổng trọng lượng là 9.000 kg; trọng lượng bì: 3.205 kg; trọng lượng hàng: 5.795 kg.

- Xe ô tô BKS 99K - 8727 có tổng trọng lượng là 12.080 kg; trọng lượng bì: 3.585 kg; trọng lượng hàng: 8.495 kg.

Ngày 03/9/2019, cũng tại Công ty TNHH K, Cơ quan chức năng tiến hành cân, xác định khối lượng gỗ có trên xe ô tô BKS 97C - 012.98 (xe Đ đã sử dụng để vận chuyển gỗ), kết quả: tổng trọng lượng là 11.770 kg; trọng lượng bì cân thực tế: 5.520 kg; trọng lượng hàng: 6.250 kg.

Như vậy, tổng khối lượng gỗ xác định sau khi cân là 32.275kg.

Ngày 23/12/2019, Hạt kiểm lâm huyện C tiến hành bàn giao vật chứng là số gỗ thu giữ được tại nhà của Hà Văn Đ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới để tiến hành điều tra theo thẩm quyền. Quá trình bàn giao đã tiến hành cân xác định khối lượng gỗ, Cơ quan chức năng sử dụng 04 xe ô tô để vận chuyển số gỗ đến Công ty Cổ phần đầu tư G có địa chỉ tại Khu Công nghiệp T, xã TB (nay là xã TT), huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tiến hành cân và xác định khối lượng, kết quả:

- Đối với số gỗ thu được trên xe ô tô BKS97C - 012.98 được cân làm 02 chuyến, cụ thể:

- + Xe ô tô BKS 97C - 010.01 có tổng trọng lượng là 9.410 kg; trọng lượng bì: 5.450 kg; trọng lượng hàng: 3.960 kg.

- + Xe ô tô BKS 14N - 6420 có tổng trọng lượng là 8.250 kg; trọng lượng bì: 6.090 kg; trọng lượng hàng: 2.160 kg.

- Đối với số gỗ thu giữ được tại sân nhà Hà Văn Đ và gần Lò đốt than, cụ thể:

- + Xe ô tô BKS 97C - 010.01 có tổng trọng lượng là 10.210 kg; trọng lượng bì: 5.450 kg; trọng lượng hàng: 4.760 kg.

- + Xe ô tô BKS 25K - 1621 cân 02 chuyến, cụ thể:

Chuyến thứ nhất có tổng trọng lượng là 10.370 kg; trọng lượng bì: 6.120 kg; trọng lượng hàng: 4.250 kg.

Chuyến thứ hai có tổng trọng lượng là 11.120 kg; trọng lượng bì: 6.120 kg; trọng lượng hàng: 5.000 kg.

+ Xe ô tô BKS 97C - 01422 cân 02 chuyến, cụ thể:

Chuyến thứ nhất có tổng trọng lượng là 10.040 kg; trọng lượng bì: 5.870 kg; trọng lượng hàng: 4.170 kg.

Chuyến thứ hai có tổng trọng lượng là 10.740 kg; trọng lượng bì: 5.870 kg; trọng lượng hàng: 4.870 kg.

Như vậy, tổng khối lượng gỗ xác định được sau khi cân là 29.170 kg. Đối chiếu với khối lượng gỗ là 32.275 kg của lần cân ngày 30/8/2019 và ngày 03/9/2019, thì tổng khối lượng gỗ thiếu đi là 3.105 kg.

Ngày 27/02/2020, Hạt kiểm lâm huyện C, tỉnh Bắc Kạn có Công văn số 55 về việc giải trình khối lượng gỗ thiếu hụt giữa lần cân ngày 30/8/2019, ngày 03/9/2019 với lần cân ngày 23/12/2019, tổng khối lượng bị thiếu hụt là 3.105 kg. Qua đó giải trình lần cân ngày 30/8/2019 do có yếu tố khách quan nên không tiến hành cân riêng bì (xe) được, tổ công tác thống nhất lấy chỉ số khối lượng xe không tải ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định của mỗi xe ô tô để trừ bì cho mỗi lần cân. Tuy nhiên, khối lượng thực tế của mỗi xe không tải sau khi cân lớn hơn so với chỉ số khối lượng ghi trên Giấy kiểm định, cụ thể:

- Xe ô tô BKS 97C - 018.58 có khối lượng cân thực tế là 5.580 kg; Khối lượng ghi trên giấy chứng nhận kiểm định là 5.565 kg. Khối lượng thực tế lớn hơn 15 kg.

- Xe ô tô BKS 23C - 02014 có khối lượng cân thực tế là 6.030 kg; Khối lượng ghi trên giấy chứng nhận kiểm định là 4300 kg. Khối lượng thực tế lớn hơn 1.730 kg.

- Xe ô tô BKS 29C - 805.10 có khối lượng cân thực tế là 3.720 kg; Khối lượng ghi trên giấy chứng nhận kiểm định là 3.205 kg. Khối lượng thực tế lớn hơn 515 kg.

- Xe ô tô BKS 99K - 8727 có khối lượng cân thực tế là 4.160 kg; Khối lượng ghi trên giấy chứng nhận kiểm định là 3.585 kg. Khối lượng thực tế lớn hơn 575 kg.

Tổng khối lượng thiếu hụt theo giải trình là 2.835 kg, khối lượng thiếu hụt thực tế giữa các lần cân là 2.975 kg, còn lệch nhau là 140 kg. Hạt kiểm lâm giải trình việc thiếu hụt 140 kg là do thời tiết trong mùa khô, dẫn đến gỗ bị khô đi và gây thiếu hụt.

Lần cân ngày 03/9/2019 đối với khối lượng gỗ thu trên xe ô tô BKS 97C - 012.98, đã cân riêng bì (xe), tuy nhiên vẫn có khối lượng thiếu hụt giữa lần cân ngày 03/9/2019 và ngày 23/12/2019 là 130 kg. Hạt kiểm lâm giải trình việc thiếu hụt là do thời tiết trong mùa khô, dẫn đến gỗ bị khô đi và gây thiếu hụt.

Xét thấy giải trình của Hạt kiểm lâm huyện C là có căn cứ, phù hợp. Trên cơ sở các lần cân và giải trình của Hạt kiểm lâm huyện C, xác định tổng khối lượng gỗ thu giữ được của Hà Văn Đ là 29.170 kg, tương đương là 29,170 m³.

Tại bản Kết luận giám định số: 431/CNR - VP ngày 14/9/2020 của Viện nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, kết luận: Toàn bộ số gỗ đang tạm giữ tại kho vật chứng thuộc Công an huyện C, gồm nhiều cục gỗ có hình thù phức tạp (gốc, rễ, bìa bắp, cành) đồng nhất một chủng loại; Số gỗ trên thuộc Loài Nghiến, thuộc Bảng IIA trong nhóm II tại “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ - CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 12/KL - HĐĐG ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tài sản là gỗ nghiến nhóm IIA (dạng gốc, rễ, bắp bìa) có trọng lượng là 23.050 kg, quy đổi bằng 23,050m³ có giá trị là 34.575.000đ; Tài sản là gỗ nghiến nhóm IIA (dạng gốc, rễ, bắp bìa) có trọng lượng là 6.120 kg, quy đổi bằng 6,120m³ có giá trị là 9.180.000đ. Như vậy, tổng khối lượng gỗ 29,170m³ có giá trị là 43.755.000đ.

Ngày 16/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho Hà Văn Đ nhận diện vật chứng là số gỗ thu giữ được tại nhà của Đ vào ngày 30/8/2019, hiện đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an huyện C, kết quả: Hà Văn Đ khẳng định toàn bộ số gỗ này là gỗ nghiến, có hình dáng gốc, rễ, bìa bắp, là số gỗ đã thu giữ tại nhà Đ vào ngày 30/8/2019.

Quá trình điều tra Hà Văn Đ có những lần thay đổi lời khai, lúc đầu Đ thừa nhận toàn bộ số gỗ mà cơ quan chức năng thu giữ được là gỗ nghiến, số gỗ trên là của Đ mua về để đốt làm than. Nhưng sau đó Đ đã thay đổi lời khai, không thừa nhận số gỗ trên là gỗ nghiến, mà là gỗ tạp và chỉ thừa nhận số gỗ thu giữ được tại sân nhà của Đ và trên xe ô tô BKS 97C - 012.98 là của Đ, số gỗ còn lại là 02 đồng thu giữ cạnh Lò đốt than, 01 đồng là của Nguyễn Đình Q (SN 1986) và 01 đồng của Hà Văn Đ1 (SN 1987) cùng trú tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn gửi nhờ, Đ cũng không thừa nhận số gỗ là vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ là số gỗ thu giữ tại nhà Đ vào ngày 30/8/2021.

Tuy nhiên, đến ngày 27/5/2021 Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình về thời gian, địa điểm, mục đích mua gỗ và tàng trữ, Đ thừa nhận số gỗ Đ mua là gỗ nghiến, mua về với mục đích để đốt làm than bán thu lợi nhuận, số gỗ Đ đã mua là hơn 21m³, với giá 1000đ/kg, tổng số tiền hơn 22.000.000đ, Đh không tính chính xác được khối lượng gỗ đã mua, khi mua có lúc thì cân gỗ, có lúc thì mua vo (không cân). Đ khai nhận, do sợ phải chịu trách nhiệm hình sự, nên Đ đã nhờ Nguyễn Đình Q và Hà Văn Đ1 nhận hộ mình 02 đồng gỗ, để giảm bớt khối lượng gỗ cho Đ. Đối với chiếc xe ô tô BKS 97C - 012.98 là Đ thuê của anh Lý Văn T, ông T không biết Đ đã sử dụng xe để vận chuyển gỗ nghiến.

Quá trình điều tra, lúc đầu Hà Văn Đ1 và Nguyễn Đình Q khai nhận 02 đồng gỗ tại vị trí gần Lò đốt than là của Đ1 và Q. Tuy nhiên, sau đó đã thay đổi lời khai và thừa nhận số gỗ đó không phải của Đ1 và Q, việc Đ1 và Q khai nhận là của mình là do Hà Văn Đ nhờ nhận hộ, nhằm giảm bớt khối lượng gỗ cho Đ, để Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT - VKSCM, ngày 28 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Hà Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm k, khoản 2, Điều 232/BLHS.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

k) Tàng trữ, vận chuyển, chế biến hoặc mua bán trái phép ... từ 20 mét khối (m^3) đến dưới 40 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA ...;

Tại phiên toà:

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

1. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm k, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo Đ từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Đ.

3. Về vật chứng: áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: số lượng 29.170 kg, tương đương là 29,170 m^3 gỗ nghiến (dạng gốc, rễ, bắp bìa), trong đó được tách riêng thành 02 đồng gỗ: + Đồng gỗ số 01: Trọng lượng 23.050 kg, tương đương 23,050 m^3 .

+ Đồng gỗ số 02: Trọng lượng 6.120 kg, tương đương 6, 120 m^3

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ – thừa trả cho bị cáo Đ.

* Bị cáo Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép lâm sản như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại khu vực xung quanh nhà ở của mình thuộc thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Hà Văn Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép 29,170 m³ (hai mươi chín phẩy một trăm bảy mươi mét khối) lâm sản là gỗ nghiến (dạng gốc, rễ, bắp bìa), thuộc danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA, có tổng giá trị là 43.755.000đ (bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Mục đích bị cáo tàng trữ trái phép lâm sản là để đốt lấy than bán, phát triển kinh tế gia đình.

[3] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Hà Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm k, khoản 2, Điều 232/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản của nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy:

Bị cáo Đ có nhân thân tốt: bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ là ông Hà Văn N là người có công với cách mạng được nhà nước tặng huy chương - theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Đánh giá nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần do việc thiếu hiểu biết, thiếu ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ một cách công khai vì vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì bản thân bị cáo cũng không đánh giá được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, chỉ cho rằng số lâm sản này là đầu mẩu gỗ nên mới mua về để đốt than bán phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra cũng phải thấy rằng công tác tuyên truyền, phòng chống hành vi này của chính quyền địa phương và lực lượng chuyên trách vẫn còn hạn chế.

Bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và không cần phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng điều 65/BLHS cho bị cáo Đ được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

[7] Vật chứng:

- Số lượng 29.170 kg, tương đương là 29,170 m³ gỗ nghiến (dạng gốc, rễ, bắp bìa), trong đó được tách riêng thành 02 đồng gỗ: Đồng gỗ số 01: Trọng lượng 23.050 kg, tương đương 23,050m³; Đồng gỗ số 02: Trọng lượng 6.120 kg, tương đương 6,120m³: tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn: tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo – thừa trả cho bị cáo.

[8] Về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với chiếc xe ô tô BKS 97C – 012.98: Quá trình điều tra làm rõ được chiếc xe ô tô này là của anh Lý Văn T. Ngày 25/02/2019 anh T cho Hà Văn Đ thuê chiếc xe này để Đ phục vụ việc kinh doanh. Hai bên ký hợp đồng thuê xe là tự nguyện. Việc Đ sử dụng chiếc xe liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật (tàng trữ lâm sản trái phép) thì T không biết. Do vậy 22/6/2021 Cơ quan CSĐT công an huyện C đã trả lại chiếc xe ô tô BKS 97C – 012.98 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001917, BKS 97C – 012.98 mang tên Lý Văn T cho Lý Văn T – Chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định. Sau khi nhận lại tài sản, quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt Lý Văn T đều không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường gì, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Trong vụ án này có ông Hà Văn N và bà Nguyễn Thị G (là bố mẹ đẻ của Hà Văn Đ) là chủ hộ, sống cùng nhà với Đ, ông N và bà G không biết việc Đ mua gỗ nghiến và tàng trữ tại khu vực xung quanh nhà. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với Hà Văn Đ1 và Nguyễn Đình Q là những người đã khai nhận 02 đồng gỗ nghiến tập kết gần khu vực Lò đốt là của mình. Tuy nhiên, sau đó đã khai nhận lại và không thừa nhận là gỗ của mình, mà do được Đ nhờ nên đã nhận hộ. Quá trình điều tra xác định Đ1 và Q không có hành vi “Mua bán, tàng trữ” gỗ là có cơ sở, đúng thực tế. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét theo pháp luật hình sự đối với những người này là có căn cứ.

[12] Đối với những người bán gỗ nghiến cho Hà Văn Đ, quá trình điều tra không xác định được đối tượng. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xem xét, giải quyết trong vụ án này, xét thấy là đúng quy định của pháp luật.

[13] Mục đích bị cáo Đ tàng trữ lâm sản trái phép cũng chỉ vì muốn phát triển kinh tế gia đình, chứ không có mục đích nào khác; hơn nữa khi xảy ra sự việc bị

cáo Đ cũng chưa được hưởng lợi gì từ việc này, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Đ.

[14] Bị cáo Đ phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố bị cáo: Hà Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” .

[2] Căn cứ vào điểm k, khoản 2, Điều 232; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Hà Văn Đ: 24 (Hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Hà Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[3] Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: số lượng 29.170 kg, tương đương là 29,170 m³ gỗ nghiến (dạng góc, rễ, bắp bìa), trong đó được tách riêng thành 02 đồng gỗ:

+ Đồng gỗ số 01: Trọng lượng 23.050 kg, tương đương 23,050m³.

+ Đồng gỗ số 02: Trọng lượng 6.120 kg, tương đương 6,120m³

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2021 giữa Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

- Tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bị cáo Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 07614 ngày 09/7/2021 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Đ – thừa trả lại cho bị cáo Đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

[5] Quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSCM: 3
- CAHCM: 2
- Bị cáo: 1
- NCQLNVLQ 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang